

Bản án số: 43/2024/HS-ST
Ngày: 28-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ký.

Bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Huy Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Tổng Văn N, sinh ngày 15/5/1973 tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tổng Văn K và bà Đỗ Thị C; Có vợ là Tổng Thị X và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 20/6/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 20.000.000đ về tội đánh bạc (chấp hành xong ngày 19/5/2022); Bị tạm giữ từ ngày 05/3/2024, đến ngày 14/3/2024 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

2. Tổng Văn D, sinh ngày 11/02/1976 tại huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tổng Thanh D và bà Nguyễn Thị M; Có vợ là Vũ Thị H và 03 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2005; Tiền sự, tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 05/3/2024, đến ngày 14/3/2024 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với nhau từ trước, Tổng Văn D nhiều lần đến nói chuyện với Tổng Văn N về việc D có nhu cầu mua số lô nhưng không biết mua của ai, ở đâu thì N nói với D nếu có nhu cầu mua số lô thì N sẽ là người bán, cách thức đánh bạc cụ thể như sau: D lựa chọn các số lô là cách số có 02 chữ số từ 00 đến 99 để mua, đơn vị mua là điểm, mỗi điểm lô được N bán với giá là 22.500 đồng. Sử dụng kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng lúc 18 giờ 15 phút hàng ngày làm căn cứ tính thưởng. Nếu số lô mà D mua trùng với 02 số cuối của 01 trong 27 giải xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì D trúng thưởng, số tiền thưởng tương ứng là 80.000 đồng với mỗi điểm lô đã mua. Nếu D không trúng thưởng thì mất toàn bộ số tiền đã mua các số lô. Vào 17 giờ 57 phút ngày 13/01/2024, D sử dụng ứng dụng Zalo có tên tài khoản “Tông Văn Dân” đăng ký bằng số điện thoại 0982.477.068 nhắn tin đến tài khoản Zalo có tên “Son Ha” đăng ký bằng số điện thoại 0394.824.336 của N (D lưu trong danh bạ có tên “Phô Phuong”) với nội dung: “Gi em con lô 31 x 50 điểm anh nhe”, “Được hay không anh” nghĩa là D hỏi mua số lô 31 = 50 điểm; N nhắn tin lại với nội dung: “OK”, tức là đồng ý bán số lô này cho D. Cả hai quy ước với nhau từ trước, mỗi điểm lô có giá là 22.500 đồng nên số lô D đã mua hết số tiền là 1.125.000 đồng. Sau khi có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc ngày 13/01/2024 là 5.125.000 đồng, D đã đến nhà của N để nhận thanh toán tiền thưởng, trừ đi số tiền đã mua số lô ban đầu, D được nhận lại số tiền 2.875.000 đồng thanh toán bằng tiền mặt. Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ngày 05/3/2014, N và D đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Hà Trung xin đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân.

Ngày 06/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Hà Trung gửi công văn số 127/CV-ĐCŞHS cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Thanh Hoá đề nghị cung cấp kết quả mở thưởng ngày 13/01/2024. Tại biên bản kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc ngày 13/01/2024 do Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Thanh Hoá cung cấp, giải ba có 01 số trúng thưởng có 02 số cuối cùng là 31 trùng với số lô mà Tổng Văn D đã mua của Tổng Văn N vào ngày 13/01/2024.

* Vật chứng của vụ án, đồ vật, tài liệu bị tạm giữ: 01 điện thoại di động Oppo A57 màu xanh, đã qua sử dụng, bên trong gắn các SIM số thuê bao 0968.039.683 và 0974.808.324 thu giữ của Tổng Văn N; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A30S màu đen, đã qua sử dụng, bên trong gắn các SIM số thuê bao 0943.648.701 và 0982.477.068 thu giữ của Tổng Văn D. Đều được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung chờ xử lý.

Bản cáo trạng số: 46/CT-VKSHT ngày 10/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung truy tố Tổng Văn N và Tổng Văn D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Tổng Văn N, Tổng Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Tổng Văn N, Tổng Văn D, đồng thời đề nghị HĐXX:

Tuyên bố: Các bị cáo Tổng Văn N, Tổng Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Tổng Văn N với mức án từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Tổng Văn D với mức án từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động là phương tiện phạm tội của các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Tổng Văn D số tiền 2.875.000 đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo Tổng Văn N, Tổng Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa và không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Tổng Văn N, Tổng Văn D đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hà Trung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Vào ngày 13/01/2024, tại xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, các bị cáo Tổng Văn D và Tổng Văn N đã có hành vi đánh bạc với nhau qua hình thức nhắn tin điện thoại ghi số lô. Tổng số tiền đánh bạc của N và D là 5.125.000 đồng. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Hành vi của Tổng Văn D và Tổng Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi và hậu quả: Hành vi phạm tội “Đánh bạc” của Tổng Văn D và Tổng Văn N là ít nghiêm trọng nhưng nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội. Việc các bị cáo đánh bạc, sát phạt, tước đoạt tiền bạc, tài sản của nhau để thu lợi bất chính có thể dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng, làm phát sinh các loại tệ nạn và tội phạm nguy

hiểm khác. Nhà nước quy định tội phạm này nhằm đấu tranh ngăn chặn tệ nạn cờ bạc trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng, bảo vệ tính mạng, sức khỏe và tài sản của công dân. Vì vậy, cần có đường lối xử lý nghiêm để giáo dục các bị cáo, và phòng ngừa răn đe tội phạm nói chung.

[4] Về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[4.1] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, cả hai bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội “Đánh bạc” nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, có vai trò ngang nhau.

[4.2] Bị cáo Tống Văn D là người có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo Tống Văn N trước đây đã bị xử lý hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng, nhưng đã được xóa án tích và được xác định là không có tiền sự, tiền án; Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Sau khi phạm tội các bị cáo đều ra đầu thú; Thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; Được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ sự phân tích, cá thể hóa về vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Tống Văn N, Tống Văn D như đã nêu trên, căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của từng bị cáo, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử phân hóa xử lý như sau:

[5.1] Đối với bị cáo Tống Văn N, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt.

[5.2] Đối với bị cáo Tống Văn D, áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cho bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt.

[5.3] Các bị cáo Tống Văn N, Tống Văn D đều là những đối tượng không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định; Hành vi phạm tội của các bị cáo đều đã được phát hiện, xử lý kịp thời nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: 02 điện thoại di động (có đặc điểm mô tả tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/5/2024) đều là những phương tiện phạm tội của các bị cáo cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về biện pháp tư pháp: Số tiền 2.875.000 đồng là phương tiện phạm tội của các bị cáo, cần truy thu của Tống Văn D để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo Tống Văn N, Tống Văn D đều là những người bị kết án nên buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Tống Văn N, Tống Văn D được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Tống Văn N);

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Tống Văn D);

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Tống Văn N, Tống Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Tống Văn N 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/5/2024).

Giao bị cáo Tống Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Hà Bắc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt: Bị cáo Tống Văn D 30.000.000 đồng.

Vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu xanh, trong phong bì niêm phong do Công an huyện Hà Trung phát hành và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A30s màu đen, trong phong bì niêm phong do Công an huyện Hà Trung phát hành. Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

Biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Tống Văn D số tiền 2.875.000 đồng để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Án phí: Các bị cáo Tống Văn N, Tống Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND H.Hà Trung;
- VKSND T.Thanh Hóa;
- CQĐT CA H.Hà Trung;
- CQTHAHS CA H.Hà Trung;
- UBND xã Hà Bắc, H.Hà Trung;
- Chi cục THADS H.Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Tiến Thịnh